

Số: /2019/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2019

ĐỀ CƯƠNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
Ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và
tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XVIII - KỲ HỌP THỨ ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể:

1. Phạm vi điều chỉnh

Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang áp dụng đối với các sản phẩm nằm trong Danh mục ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ trong liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác (sau đây gọi chung là nông dân).

b) Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cá nhân).

c) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã).

d) Doanh nghiệp.

đ) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

- Các dự án đã sử dụng vốn tín dụng ưu đãi, vốn bảo lãnh tín dụng của Nhà nước không thuộc đối tượng sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách quy định tại Nghị quyết này.

- Mỗi bên tham gia liên kết được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ mà bên đó thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng, dự án liên kết.

- Đối với mỗi dự án liên kết, các bên tham gia liên kết ở nội dung nào thì được hưởng chính sách hỗ trợ ở nội dung đó. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào các nội dung liên kết theo hợp đồng, dự án liên kết để quyết định hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

- Việc giải ngân số tiền hỗ trợ được thực hiện hàng năm sau khi có nghiệm thu tiến độ công việc thực hiện.

- Trường hợp cùng một thời điểm, nội dung có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau (kể cả từ các chương trình, dự án khác), đối tượng thụ hưởng chỉ được lựa chọn áp dụng một chính sách ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.

- Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và các chính sách, pháp luật hiện hành của Nhà nước.

4. Điều kiện áp dụng

Các bên tham gia liên kết được hỗ trợ phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

a) Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

b) Giấy chứng nhận hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

c) Liên kết đảm bảo ổn định:

- Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác từ 01 năm trở lên, thời gian liên kết tối thiểu là 05 năm;

- Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác dưới 01 năm, thời gian liên kết tối thiểu là 03 năm.

d) Dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

e) Quy mô dự án

- Đối với 06 loại hình liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (*liên kết từ cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu*

hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp) quy mô liên kết tối thiểu trong một chu kỳ sản xuất quy định như sau:

+ Lĩnh vực chăn nuôi đạt một trong các tiêu chí sau: lợn thịt 4.000 con; lợn nái sinh sản 400 con; chăn nuôi thương phẩm gia cầm, thủy cầm 20.000 con; chăn nuôi sinh sản gia cầm, thủy cầm 10.000 con; chăn nuôi trâu, bò 150 con; nuôi ong lấy mật 300 đàn.

+ Lĩnh vực trồng trọt đạt một trong các tiêu chí sau: cây lương thực 20 ha; cây công nghiệp 15 ha; cây ăn quả: 15 ha; cây thực phẩm (rau, củ, quả gọi chung là cây rau): 02 ha; rau trồng trong nhà lưới hoặc nhà kính: 2.000 m²; cây dược liệu: 03 ha; nấm thương phẩm: 10 tấn; nấm giống 200.000 bịch giống.

+ Lĩnh vực lâm nghiệp đạt diện tích trồng cây tối thiểu 100 ha;

+ Lĩnh vực thủy sản đạt một trong các tiêu chí sau: nuôi trong ao, hồ: 01 ha; nuôi trong lồng: 400 m³.

- Đối với loại hình liên kết sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thì giá trị nông sản nguyên liệu đầu vào phải đạt tối thiểu 01 tỷ đồng/năm.

5. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết.

b) Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết: Hỗ trợ đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

c) Hỗ trợ giống, bao bì, nhãn mác sản phẩm qua dịch vụ tập trung của hợp tác xã.

d) Hỗ trợ chi phí chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

(Có phụ lục quy định nội dung và mức hỗ trợ kèm theo)

6. Nguồn kinh phí hỗ trợ

Lồng ghép các Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình Mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư; Chương trình Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đối với HTX; chương trình, dự án về khuyến nông, Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp và nguồn vốn chương trình, dự án hợp pháp khác.

Điều 2. Điều kiện chuyển tiếp

Các bên tham gia liên kết đang thực hiện theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ (được cụ thể hóa tại Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 17/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh) trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được hưởng các chính sách đã được phê duyệt.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh

Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; xác định, phê duyệt ngành hàng, sản phẩm quan trọng, chủ lực của tỉnh cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; phê duyệt hỗ trợ liên kết trên địa bàn theo thẩm quyền; quy định phân cấp Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt hỗ trợ liên kết trên địa bàn theo quy mô vốn đầu tư và địa bàn thực hiện liên kết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Khóa XVIII Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2019./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội khóa XIV tỉnh Tuyên Quang;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo Tuyên Quang;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Lưu: VT.